TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2024/DSST
Ngày 09- 5 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà L.T.T.T.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà V.T.M

Bà C.T.L

Thư ký phiên toà: Ông T.T.T - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa:

Bà L.D.B.C - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 733/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N.T.T; địa chỉ: Số 417/95/7 đường Q.T, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà N.T.L; ông N.Đ.C; cùng địa chỉ: Số 499/11/45 đường Q.T, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bà N.T.T trình bày:

Bà T và vợ chồng bà L, ông C là lối xóm láng giềng, ngày 21/01/2021 cho vợ chồng bà L vay số tiền là 300.000.000 đồng, thời gian vay là 06 tháng, đến ngày 21/7/2021 bà L thanh toán hết nợ gốc, thoả thuận lãi là 3%/tháng. Vợ chồng bà L trả được 03 tháng thì ngưng không trả tiền nợ gốc, kéo dài thời gian

đến nay. Nhiều lần bà T yêu cầu vợ chồng bà L hoàn trả số tiền còn nợ là 300.00.000 đồng, bà T không yêu cầu trả tiền lãi.

Tuy nhiên Vợ chồng bà L nhiều lần khất nợ, cố tình né tránh không gặp mặt nói chuyện. Tại Toà bà T yêu cầu bà N.T.L và ông N.Đ.C trả số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng, thanh toán trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà T không yêu cầu trả lãi.

Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, không bổ sung chứng cứ hay thay đổi yêu cầu gì khác.

Bị đơn: Bà N.T.L trình bày

Bà N.T.L, và chồng là ông N.Đ.C cùng lối xóm với bà N.T.T nên ngày 21/01/2021, có vay của bà N.T.T số tiền là 300.000.000 đồng, để tiêu dùng trong gia đình, thời hạn vay là 06 tháng đến ngày 21/7/2021 thanh toán trả hết nợ cho bà T. Quá trình vay bà L có trả lãi được ba tháng (theo thoả thuận lãi là 3%/ tháng) thì ngưng không có khả năng trả lãi, nên ngày 10/7/2023, bà L thoả thuận với bà T giảm tiền lãi, mỗi tháng trả lãi là7.000.000 đồng, còn tiền nợ gốc xin hoãn thêm một thời gian bà L thanh toán hết, nhưng gia đình khó khăn nên chưa trả lãi như thoả thuận và còn nợ tiền gốc của bà T đến nay là 300.000.000 đồng, thống nhất được trả tiền vào ngày 18/01/2024, yêu cầu bà T không xem xét và bỏ thoả thuận về tiền lãi.

Ông N.Đ.C vắng mặt, không có yêu cầu gì khác nên Toà án không thu thập chứng cứ, lời khai của ông C.

Bà N.T.L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, không bổ sung chứng cứ hay thay đổi yêu cầu gì khác và cam kết giao thông báo của Toà án cho ông N.Đ.C nhưng ông C vắng mặt, không bổ sung chứng cứ, chứng minh gì khác, nên Toà án không ghi nhận được lời khai đối với ông N.Đ.C.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng và nội dung vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có cư trú tại đại chỉ số 499/11/45 đường Q.T, phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ kết quả xác minh tại Công an nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh "ông N.Đ.C hiện cư trú tại số 499/11/45 đường Q.T, phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh,". Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ đối với ông N.Đ.C đến Tòa án để lấy lời khai, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối chất và hòa giải. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt đối với bị đơn là ông N.Đ.C.

Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N.T.T; bà N.T.L theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Ngày 21/01/2021 các bên có thoả thuận giấy vay tiền, theo đó là bên cho vay là bà N.T.T và bên vay là bà N.T.L, ông N.Đ.C có vay là 300.000.000 đồng, thời gian vay là 06 tháng kể từ ngày vay đến ngày 21/7/2021 tất toán hết nợ gốc, về lãi suất là 3%/tháng. Quá trình thu thập chứng cứ và các phiên họp kiểm tra cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất và hoà giải tại Toà, bà L thừa nhận còn nợ bà N.T.T số tiền gốc là 300.000.000 đồng, đồng ý trả tiền nợ cho bà T vào các ngày 26/12/2023, ngày 12/01/2024 và ngày 18/01/2024. Tuy nhiên Bà L, ông C không thể hiện thiện chí việc trả nợ theo sự thỏa thuận giữa các bên "bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn được qui định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và "Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bân vay phải trả lãi như sau: Lãi trên nợ gốc theo lải suất thoả thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả theo múc lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 được qui định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015". Do bà N.T.L đề nghị không xem xét việc trả lãi đã thoả thuận, đồng thời bà N.T.T không yêu cầu Toà án xem xét lãi suất trên nợ gốc đến thời điểm xét xử, nên Hội đồng xét xử không xem xét về lãi suất. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.T.T buộc bà N.T.L và ông N.Đ.C phải thanh toán số tiền còn nợ gốc là 300.000.000 đồng, thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 01/01/2017 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nên bà N.T.L; sinh năm 1958, ông N.Đ.C; sinh năm 1956 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 01/01/2017.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà N.T.T.

Buộc bà N.T.L, ông N.Đ.C có trách nhiệm trả cho bà N.T.T số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng, thi hành toàn bộ số tiền là 300.000.000 đồng, ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2.Về án phí: Bà N.T.L và ông N.Đ.C được miễn nộp, án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người thi hành án không thi hành thì người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án yêu cầu người phải thi hành án còn phải trả lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất cơ bản bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, được qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4.Về quyền kháng cáo

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
-TAND TP.HCM
-CCTHADS Q.G
-VKSND Q.V
-Các đương sự;
-Lưu hs.